

PHÂN TÍCH PHÁI SINH VỚI VIỆC XÁC LẬP QUY TẮC ÂM VỊ HỌC VỀ DẤU HIỆU SỐ NHIỀU TRONG DANH TỪ TIẾNG ANH

Võ Đại Quang^(*)

1. Khái niệm “**Phái sinh**” trong bài viết này được hiểu là *các bước chuyển đổi từ mô hình âm vị học ở cấu trúc chìm sang hình thái ngữ âm trên cấu trúc bề mặt*. Cách hiểu này phù hợp với mô hình lí thuyết âm vị học của ngôn ngữ học tạo sinh. Lí thuyết này cho rằng âm vị học bao gồm hai bộ phận: (i) Hình thức biểu hiện tinh thần, trừu tượng (cấp độ âm vị học) của tất cả các hình vị trong ngôn ngữ; (ii) Bộ quy tắc âm vị học giúp kết nối hai cấp độ cấu trúc: Các yếu tố tinh thần của ngôn ngữ (các cấu trúc ngôn ngữ học nằm trong tiềm thức của người nói) và hình thức ngữ âm (cấu trúc nổi) thuộc bình diện hiện thực hoá các âm vị trong diễn ngôn. Mục đích của ngôn ngữ học tạo sinh, trong những cố gắng nhằm xây dựng một loại hình “Ngữ pháp nhận thức” (Mental grammar), là mô tả và hình thức hóa được những hiểu biết nằm trong tiềm thức của người sử dụng ngôn ngữ về hệ thống âm vị và các loại hình âm thanh của tiếng mẹ đẻ. Bằng trực cảm, người bản ngữ có thể khẳng định được những âm và các kết hợp âm nào tồn tại hay không tồn tại, phù hợp hay không phù hợp trong tiếng mẹ đẻ của họ. Cũng bằng trực cảm, người bản ngữ có thể xác định được vị trí điển hình của các âm tố trong ngữ đoạn. Các quy tắc âm vị học là phương thức thể hiện những hiểu biết như vậy của người bản ngữ.

Các quy tắc âm vị học tạo sinh là sự mô tả đặc tính hình thức của mối liên hệ giữa những biểu hiện âm vị học ở cấp độ sâu mang tính bất biến thể và các hình thái hiện thực hoá đa dạng, khả biến gắn với bất biến thể đó trên cấu trúc bề mặt của diễn ngôn. Các quy tắc âm vị học đó, để có thể trở thành công cụ sản sinh hữu hiệu, phản ánh đúng bản chất, quy luật hành chức của hệ thống âm thanh của từng ngôn ngữ cụ thể, cần phải thoả mãn những yêu cầu sau:

(i) Các quy tắc đó cần phải bao quát tất cả những hiện tượng của cứ liệu và chỉ những cứ liệu mà từ đó chúng được lập thức. Các quy tắc này phải là những quy tắc không tạo ra những hình thái âm thanh không tồn tại trong ngôn ngữ đang được sử dụng. Chẳng hạn, có thể đưa ra nhận xét rằng, trong tiếng Anh, mỗi âm đoạn trong chùm phụ âm (consonant cluster) cần phải có sự phù hợp về đặc tính khu biệt “tiếng thanh (voice) như sau: [+ voice] [+ voice] hoặc [- voice] [- voice]. Ví dụ: /æktz/, tæbz/. Các kết hợp như [+ voice] [- voice] hoặc [- voice] [+ voice] cần được loại khỏi quy tắc vì, trong nhiều trường hợp, chúng không phản ánh đúng thực tế của tiếng Anh.

(ii) Các quy tắc phải đảm bảo tính tiết kiệm và tiện dụng: Có khả năng bao quát nhiều nhất, bằng một tập hợp càng

^(*) PGS.TS., Phó ng Qu'ly Nghi' n c'u Khoa h'c, Tr-èng S'i h'c Ngo'ing+, S'i h'c Qu'c gia H' Néi.

ít càng tốt, những phương tiện để hình thức hoá sự phái sinh chuyển đổi từ cấp độ trừu tượng sang cấp độ hiện thực hoá.

(iii) Song hành với những quy tắc có khả năng khái quát cao, khi cần thiết, phải xây dựng những quy tắc gắn với chu cảnh cụ thể để tránh việc tạo sinh những hình thức ngữ âm trái với quy luật của ngôn ngữ đang được nghiên cứu, nếu chỉ hoàn toàn dựa vào các quy tắc có độ khái quát cao.

“**Phân tích phái sinh**” là một đường hướng nghiên cứu với mục đích: Bằng cách thức đơn giản và khái quát nhất, thể hiện được mối quan hệ giữa những biểu hiện âm vị học trừu tượng của ngôn ngữ và sự hiện thực hoá những mô hình âm vị học trừu tượng đó bằng ngữ âm trên bề nổi của diễn ngôn, của ngôn ngữ trong hoạt động.

2. Danh từ số nhiều tiếng Anh được cấu tạo, theo quy tắc, bằng cách thêm biến tố “- s” vào cuối danh từ. Nếu danh từ kết thúc bằng các âm xuýt (sibilants) thì hình thức chính tả của hình vị ngữ pháp chỉ số nhiều là “- es”. Hình thái âm thanh của danh từ số nhiều chứa biến tố này thay đổi phụ thuộc vào chu cảnh ngữ âm (phonetic environment) trong đó chúng xuất hiện. Ví dụ:

- a. *mats, giraffes, wasps, yaks, moths;*
- b. *foods, crabs, dogs, lions, vows;*
- c. *gasses, leeches, judges, thrushes.*

Hình thức âm thanh của biến tố chỉ số nhiều ở các nhóm từ trên là: **a.** /s/; **b.** /z/; **c.** /iz/. Vấn đề đặt ra là: Nhân tố nào chi phối sự phân bố âm thanh như vậy? Hình thức số ít của các nhóm từ trên kết thúc bằng các âm sau: **a.** / t /, / f /, / p /, /

k/, / θ /; **b.** / d /, / b /, / g /, / n /, / au /; **c.** / s /, / tS /, / dS /, / S /. Khi quan sát, có thể thấy rằng, biến tố chỉ số nhiều trong tiếng Anh thuộc loại âm sát vành lưỡi, tức là những âm được tạo ra bằng luồng hơi chèn hẹp với đầu lưỡi hoặc khối lưỡi được nâng lên trong quá trình cấu âm (coronal sibilant fricative). Âm này phù hợp về tính chất tiếng thanh (voicing) với âm đứng ngay trước nó. Khi âm này cũng là một âm xuýt thì xuất hiện nguyên âm /i/ xen giữa hai âm (Âm cuối của danh từ ở hình thái số ít và biến tố chỉ số nhiều). Nhiệm vụ của người nghiên cứu là lập thức mô hình cú pháp của sự kết hợp âm vị (phonotactics) ở cấp độ sâu và xác lập bộ quy tắc chuyển đổi từ mô hình trừu tượng sang hình thức ngữ âm trên bề nổi của diễn ngôn. Kết quả thống kê cho thấy rằng, /z/ là hình thức âm thanh phổ biến nhất trong ba hình thức âm thanh của dấu hiệu số nhiều trong danh từ tiếng Anh. Âm này xuất hiện sau các phụ âm ồn hữu thanh (voiced obstruents), phụ âm vang (sonorants) và các nguyên âm (vowels) trong khi âm /s/ chỉ xuất hiện ở vị trí sau các âm ồn vô thanh (voiceless obstruents). Hình thái âm thanh /iz/ xuất hiện trong môi trường rất hạn hẹp sau các phụ âm xuýt (sibilants). Thực tế này dẫn đến sự lựa chọn /z/ là hình thức âm vị học đại diện cho dấu hiệu số nhiều ở mô hình trừu tượng trong cấu trúc sâu của ngôn ngữ. Đặc tính vô thanh hay hữu thanh của dấu hiệu số nhiều phụ thuộc vào đặc tính của âm đoạn đứng trước nó. Do vậy, có thể loại bỏ đặc trưng khu biệt tiếng thanh (voicing) trong hình thức biểu hiện âm vị học của dấu hiệu số

nhiều ở cấp độ sâu. Tính không xác định của đặc trưng khu biệt này ([voice]) trong âm đoạn đang xét, theo thông lệ, có thể được thể hiện bằng kí tự /Z/. Việc sử dụng kí hiệu /Z/ giúp tránh được sự lựa chọn vô đoán giữa /z/ và /s/. Kí hiệu này cũng giúp mô tả một cách rõ nét đặc điểm đồng hoá về phương diện tiếng thanh (voicing assimilation) giữa âm cuối của danh từ ở hình thức số ít và dấu hiệu số nhiều được thêm vào. Như vậy, *hình vị số nhiều trong danh từ tiếng Anh có hình thức biểu hiện ở cấp độ sâu (underlying representation - UR) là:*

Z [+ coronal], [+ fricative], [r voice].

Hình thức biểu hiện ở cấp độ sâu của ba danh từ số nhiều đại diện cho ba nhóm danh từ đã trình bày ở trên có thể được lập thức như sau: /ræt + Z/, /kræb + Z/, /li: tSiz/. Trong ba biểu thức này, kí hiệu + chỉ ra ranh giới giữa các hình vị trong nội bộ từ.

Vấn đề tiếp theo cần xem xét là xác định các quy tắc phái sinh từ mô hình âm vị học ở cấu trúc sâu sang hình thức ngữ âm tương ứng trên cấu trúc bề mặt (/ræts/, /kræbz/, /li: tSiz/). Trong những hình thức này, hình vị số nhiều bị đồng hoá về phương diện tiếng thanh với âm đoạn đứng trước. Quy tắc đồng hoá như sau: Đối với /ræts/ thì /Z/ mang đặc tính

$$\begin{array}{l}
 \text{(1)} \\
 \text{f} \rightarrow \left[\begin{array}{l} + \text{syllabic} \\ + \text{high} \\ - \text{back} \\ - \text{tense} \end{array} \right] / \left[\begin{array}{l} + \text{strident} \\ + \text{coronal} \end{array} \right] \quad (+) \text{ ——— } \left[\begin{array}{l} + \text{strident} \\ + \text{coronal} \end{array} \right]
 \end{array}$$

[- voice] để có được /s/. Tương tự, trong /kræbz/, /Z/ được thay thế bằng [+ voice] để có /z/. Đối với /li: tSiz/, cần có hai quy tắc để xác định: (i) Quy tắc đồng hoá về phương diện tiếng thanh (voicing assimilation) và (ii) Quy tắc thêm nguyên âm /i/ (i-epenthesis) vào giữa âm cuối của danh từ ở hình thức số ít và âm đoạn thể hiện hình vị số nhiều.

Nguyên âm /i/ được thêm vào khi gốc từ kết thúc bằng một trong những phụ âm xuýt sau: [s], [z], [tS], [dS], [ʒ]. Tất cả những âm này đều là những âm ồn với đặc tính cấu âm là luồng hơi bị tắc tạm thời hoặc chèn hẹp và tạo thành các âm xát hoặc tắc xát (strident). Mô hình âm vị học [+ strident] [f] và [v] phải được loại bỏ khỏi quy tắc vì trong tiếng Anh không tồn tại những kết hợp âm như /dSɪræfɪz/. Nói cách khác, /f/ và /v/ không có nét khu biệt [coronal] (không nằm trong vùng cấu âm giữa răng và ngạc cứng) cho nên chúng không được coi là phù hợp với mô hình kết hợp này. Các âm có nét khu biệt [coronal] là âm răng, âm lợi hoặc âm ngạc cứng. Ngoài đặc tính [strident], âm đoạn tham gia vào quy tắc còn phải có nét khu biệt [coronal]. Như vậy, **quy tắc thêm nguyên âm (“i-epenthesis” rule) trong tiếng Anh được lập thức như sau:**

(1) Trong nh=ng biểu thức này, kí hiệu “—” biểu thị chu c¶nh ng÷ ®m; kí hiệu “→” biểu thị sự chuyển ®xi tõ hnh thc biõu hiõn của cõu tróc ch¶m sang hnh th,i của cõu tróc nãi.

Cần lưu ý rằng dấu hiệu chỉ ranh giới hình vị trong nội bộ từ (+) ở biểu thức trên là cần thiết để tránh việc tạo sinh những hình thức trái với quy luật âm vị học của tiếng Anh như:

$$\left[\begin{array}{l} + \text{strident} \\ + \text{coronal} \end{array} \right] \rightarrow [\alpha \text{ voice}] / [\alpha \text{ voice}] \text{ ______ } (*)$$

Có thể giải thích quy tắc phái sinh trên như sau: Âm đoạn nằm trong vùng tác động của quy tắc này phải có hai đặc trưng khu biệt là [strident] và [coronal]. Đặc tính của âm đoạn trong hình vị số nhiều là bản sao những đặc tính của âm đoạn đứng trước nó. Nếu âm đứng trước là âm hữu thanh thì hình vị số nhiều mang tính chất hữu thanh. Tương tự, nếu âm đứng trước là âm vô thanh thì hình vị số nhiều cũng mang tính vô thanh.

Bộ quy tắc phái sinh đầy đủ để cấu tạo số nhiều trong tiếng Anh có thể được trình bày với ví dụ minh họa như sau:

Mô hình âm vị học ở cấu trúc sâu (UR)
/ræt + Z/, /kræb + Z/, /li: tS + Z/ (2*)

Quy tắc thêm nguyên âm /i/ (i-epenthesis rule) ______ / li: tS + Z/

Quy tắc đồng hoá tiếng thanh

(Voicing assimilation rule)

/ræt + s/, /kræb + z/, /li: tS + iz/

Hình thức ngữ âm ở cấu trúc nổi
(Phonetic form) /ræts/, /kræbz/, /li: tSiz/

Trong giản đồ này, đầu vào là mô hình âm vị học của cấu trúc sâu. Các quy

/i: tS izu: / (each zoo).

Quy tắc đồng hoá tiếng thanh (voicing assimilation rule) có thể được trình bày như sau:

tắc phái sinh lần lượt phát huy ảnh hưởng cho đến khi không còn môi trường để tác động. Và, ở thời điểm này, sản phẩm đầu ra là các hình thức ngữ âm ở cấu trúc nổi - sự hiện thực hoá các mô hình của cấu trúc sâu.

3. Như vậy là, với một *cấu trúc chìm* (UR) và hai *quy tắc phái sinh đơn giản* (i. Quy tắc đồng hoá tiếng thanh; ii. Quy tắc thêm nguyên âm /i/), người nghiên cứu có thể giải thích một cách dễ hiểu các *thao tác* trong quá trình *nhận thức lí tính* về cách hình thành danh từ tiếng Anh ở số nhiều.

Các quy tắc này là sản phẩm của một trong những hướng nghiên cứu trên con đường khám phá những quy luật âm thanh của ngôn ngữ tự nhiên. Còn rất nhiều việc cần phải làm để bổ sung, điều chỉnh, khẳng định khả năng bao quát, khả năng làm công cụ miêu tả và nhận thức, khả năng đáp ứng những nhu cầu thực tiễn của bộ quy tắc âm vị học trên đây cũng như của đường hướng nghiên cứu phái sinh. Đó là những nội dung mà chúng tôi dự định trình bày ở các bài viết trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chomsky, N and Morris Halle., *The sound pattern of English*, Harper & Row, New York. 1968.

2. Conner, J.D.O', *Better English Pronunciation*, Cambridge University, Press, 1991.
3. Durand, J and Francis Kantamba, *Frontiers of Phonology*, Longman, London, 1995.
4. Durand, J., *Generative and non-linear phonology*, Longman, London, 1990.
5. Gimson, A.C., *An introduction to the pronunciation of English*, Edward, Arnold, London, 1970.
6. Gimson, A.C., *The pronunciation of English*, Arnold, London, 1994.
7. Halliday, M.A.K., *Spoken and written language*, Deakin University, 1988.
8. Jones, D., *The Pronunciation of English*, Cambridge University Press, 1998.
9. Kaye, J., *Phonology: A cognitive view*, Lawrence Erlbaum, Hillsdale, NJ, 1989.
10. Kenstowicz, M., *Phonology in generative grammar*. Blackwell. Oxford. 1994.
11. Ladd, D.R., *Intonational Phonology*, Cambridge University Press, 1996.
12. Ladefoged, P., *A course in phonetics*, Harcourt Brace, New York, 1993.
13. Ladefoged, P., *Elements of acoustic phonetics*, University of Chicago Press, Chicago, 1996.
14. Laver, J., *Principles of phonetics*, Cambridge University Press, Cambridge, 1994.
15. Lê, Vương Hữu, Dũng, Hoàng, *Ngữ âm tiếng Việt*, NXB Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1, Hà Nội, 1994.
16. Roach, P., *English Phonetics and Phonology*, Cambridge University Press, Cambridge .1988.
17. Đoàn Thiện Thuật, *Ngữ âm tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1999.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, Foreign Languages, T.xXII, n_o4, 2006

DERIVATIONAL ANALYSIS AND THE ESTABLISHMENT OF PHONOLOGICAL RULES RELATED TO ENGLISH PLURAL NOUN FORMATION

Assoc.Pro.Dr. Vo Dai Quang

*Scientific Research Management Office
College of Foreign Languages - VNU*

- (i) Derivational analysis as an approach in the establishment of phonological rules;
- (ii) Information about how underlying representations are to be made explicit;
- (iii) The two phonological rules established in terms of derivational analysis:
 - a. i-epenthesis;
 - b. voicing assimilation;
- (iv) Problems intended to be discussed in other articles.